

Số: 57/BC-UBND

Quang Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2023

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÍ III NĂM 2023 XÃ QUANG MINH**

Thực hiện công văn số /UBND-NV ngày 05 tháng 6 năm 2023 V/v báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý III năm 2023 của UBND, Phòng Nội vụ huyện Gia Lộc. Ủy ban nhân dân xã Quang Minh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

a) Việc triển khai kế hoạch cải cách hành chính của huyện

UBND xã Quang Minh xây dựng kế hoạch số: 57/KH-UBND ngày 31/12/2023, để tổ chức thực hiện.

Ngày 26/02/2021 Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch kiểm tra và tự kiểm tra công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn xã năm 2023

Ngày 20/02/2023 Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch số 09/KH-UBND tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về công tác Cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân xã luôn thực hiện tốt các nội dung của đề án cải cách thủ tục hành chính tại UBND xã đã được phòng nội vụ huyện Gia Lộc phê chuẩn.

b. Về tổ chức chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

- Ngày 06/08/2023 Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân mở hội nghị đối thoại trực tiếp với người dân thôn Đông Hào và thôn Hậu Bồng. Thông qua đối thoại nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề phát sinh, tồn tại, trong đó có đi sâu vào công tác cải cách hành chính tìm ra các biện pháp tháo gỡ, khắc phục.

- Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC, triển khai tại các cuộc họp UBND xã

- Duy trì và thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm theo quy định.

- Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ hành chính trong quá trình giao tiếp. Kết quả đại đa số người dân, qua lấy ý kiến đều hài lòng về thời gian hoàn thành công việc, thái độ phục vụ.

c) Thông tin tuyên truyền:

Đài truyền thanh xã phát toàn bộ nội dung của các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính nhà nước để nhân dân nắm và thực hiện. Ban hành Kế

hoạch số 57/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 về tuyên truyền nội dung về cải cách hành chính nhà nước năm 2023. hầu hết các tin bài tuyên truyền về công tác cải cách thủ tục hành chính thông qua hình thức tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh của xã, qua hội nghị chuyên đề, Ban biên tập trang thông tin điện tử của xã.

Qua đợt tuyên truyền: Đánh giá về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền đã được nâng lên, việc nắm bắt và hiểu biết quy trình của cải cách thủ tục hành chính đã được nâng cao về kiến thức, nhận thức về các quy trình cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, trên cơ sở đó đã tạo tiền đề để tuyên truyền cho mọi người dân trong quá trình giao dịch và liên hệ công tác củng cố lòng tin trong nhân dân.

d) Công tác kiểm tra cải cách hành chính:

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra về công tác cải cách hành chính theo nội dung của phụ lục kế hoạch cải cách năm 2023: Qua kiểm tra theo kế hoạch hầu hết các bộ phận thực hiện xử lý đúng tiến độ, đã khắc phục được những tồn tại hạn chế được chỉ ra của năm 2022.

- Mở hội nghị đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính năm 2022, kiểm điểm đánh giá chỉ số, điểm của từng nội dung đã đạt được, những điểm còn hạn chế của từng bộ phận thực hiện công tác cải cách hành chính, đề ra phương hướng và biện pháp khắc phục.

- Qua thời gian thực hiện về cải cách thủ tục hành chính tại UBND xã, hiệu quả công việc đã được nâng lên rõ rệt, việc phân cấp quản lý, trách nhiệm trong xử lý công việc được tiến hành thường xuyên, không để ứ đọng, từng bộ phận chuyên môn trên cơ sở kế hoạch, đề án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy trình của đề án cải cách thủ tục hành chính. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoạt động đều đặn, nhip nhàng, giải quyết công việc nhanh chóng. Các biển báo, bảng chỉ dẫn đều được công khai, niêm yết tại UBND xã để nhân dân nắm được và thực hiện.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1) Về cải cách thể chế:

- UBND xã đã củng cố cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại UBND xã, UBND xã đã đưa vào chương trình làm việc, lồng ghép với các nhiệm vụ chuyên môn, thời gian trực, tiếp công dân, thời gian nhận hồ sơ trả kết quả theo lịch đã công khai. Ngày 20/01/2023 UBND xã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND về kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, ban hành văn bản Quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 04 ngày 20/01/2023 kế hoạch tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 20/01/2022 Kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; Kế hoạch số 06/KH-UBND kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hành chính theo đúng thẩm quyền, rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết.

- Xây dựng và ban hành văn bản: Nghị quyết HĐND xã trong các kỳ họp của nhiệm kỳ, các văn bản đều đã được thông qua HĐND qua tiếp xúc cử tri và các kỳ họp, đã được kiểm tra, rà soát.

2) Về cải cách thủ tục hành chính:

- Ủy ban nhân dân xã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính số 12/KH-UBND ngày 14/02/2023.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được trang bị cơ sở vật chất và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác cải cách hành chính, tiếp nhận và trả kết quả, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức và người lao động.

- Kết quả số hóa hồ sơ thực hiện theo đúng quy trình đạt tỷ lệ 99,56%, giấy tờ hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ 100% trả kết quả đúng hạn, 99% trả kết quả trước hạn.

- Ủy ban nhân dân xã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính số 12/KH-UBND ngày 14/02/2023.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: tổng số TTHC cấp huyện: 293; cấp xã: 139 thủ tục.

- Công bố các thủ tục hành chính; niêm yết đầy đủ công khai bộ thủ tục hành chính tại UBND xã theo đúng quy định, tạo điều kiện để công dân đến tiếp cận đầy đủ thông tin, quy trình giải quyết, nội dung công việc, các giấy tờ cần thiết khi đi giao dịch cần mang theo tạo điều kiện thuận lợi để người dân không phải đi lại nhiều lần.

- Niêm yết đầy đủ địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị, xử lý giải quyết đối với các phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, TTHC kịp thời, đảm bảo đúng thời gian quy định. Tuy nhiên trong thời gian qua xã chưa có cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị đến UBND xã để giải quyết.

- Phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả luôn nâng cao hiệu quả việc áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện tiếp nhận và giải quyết công việc về TTHC.

- Kết quả của việc công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo:

Thực hiện đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý Nhà nước và chính quyền các cấp, UBND xã Quang Minh đã giải quyết kịp thời các đơn thư, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy trình của pháp luật.

Trong các năm qua thực trạng của công tác tiếp công dân do có chỉ đạo sâu sát của cấp trên, do nhận thức của từng người dân có chuyển biến, lượng đơn thư khiếu nại tố cáo hầu như không có, đặc biệt là: không có khiếu kiện đông người.

Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, hầu hết là các vụ việc tranh chấp nhỏ về mốc cội, đất đai đã được các cấp uỷ, tổ hoà giải, giải quyết kịp thời tránh để chuyện nhỏ thành to.

Củng cố và đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính ở xã, UBND xã đã giao cho Ban chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật thường xuyên tuyên truyền các nội dung chính, các quy trình, thủ tục khi đến liên hệ công tác, giải quyết các công việc có liên quan qua hệ thống thông tin đại chúng, tuyên truyền bằng văn bản của cấp trên đến các hội nghị, đại đa số cán bộ Đảng viên, nhân dân đã nắm được các bước về cải cách thủ tục hành chính, từng bước vào nề nếp và được mọi người ủng hộ, giảm bớt các thủ tục không cần thiết, kéo dài thời gian giải quyết công việc, giảm bớt các văn bản không còn hiệu lực, do vậy hiệu quả giải quyết các công việc nhanh chóng không gây phiền hà sách nhiễu đối với nhân dân.

- Kết quả thực hiện số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

Tổng số hồ sơ: 443, Trực tuyến : 433,

Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 433; Giải quyết trước hạn 429; Đúng hạn 04.

Tỷ lệ giải quyết trước hạn đạt tỷ lệ 99,1%; đúng hạn 0,9 %

3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Xã đã xây dựng và triển khai kế hoạch số 06 ngày 25 tháng 02 năm 2023

- UBND xã luôn chấp hành tốt các quy định về tuyển dụng công chức theo các tiêu chuẩn quy định, hàng năm đều có kiểm điểm đánh giá, phân loại công chức theo Nghị định số 56/NĐ-CP của Chính phủ.

- Trong Quý III năm 2023 không có cán bộ công chức vi phạm kỷ luật, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trong Quý III năm 2023 thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, khu dân cư UBND xã đã cử cán bộ đi tập huấn theo chương trình của UBND huyện, qua đào tạo, tập huấn trình độ của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được nâng lên, đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng Vào làm việc tại cơ quan nhà nước tại địa phương. Xã đã tạo điều kiện thuận lợi, vận động các thanh niên có trình độ đại học chưa tìm được việc làm bố trí, sắp xếp công việc hợp lý tạo điều kiện phát huy tài năng phù hợp với công việc.

- Cán bộ, công chức hiện đang công tác hầu hết được tuyển chọn qua kết quả thi tuyển và bầu cử đều có trình độ chuyên môn phù hợp đáp ứng nhu cầu công việc, hàng năm được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo tình hình mới. -- - Qua thi tuyển xã đã có một công chức được sắp xếp về công tác vị trí Địa chính xây dựng.

4) Cải cách tài chính công

- Thực hiện tốt Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/NĐ-CO ngày 17/10/2016 của chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ngân sách, thực hiện có hiệu quả công tác thu ngân sách để đảm bảo chi thường xuyên; tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách nhà nước. Chủ động tổ chức điều hành ngân sách gắn với định hướng phát triển kinh tế địa phương trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của xã.

- Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, công khai tài chính theo quy định của pháp luật

5) Hiện đại hóa hành chính nhà nước

- UBND xã đã áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, tuy nhiên chưa áp dụng phần mềm chung tại cơ quan, đã tiến hành cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo quy trình ISO 9001: 2008 vào hoạt động tại UBND xã

Việc áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan:

- Đã áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động, hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại UBND xã thông qua hệ thống thư điện tử của huyện.

Các trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách thủ tục hành chính:

Xã đã trang bị nhà một cửa “ bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”⁰³ máy vi tính, 03 máy in, 01 máy photocopy 01 máy điện thoại cố định ngoài ra có đầy đủ bàn làm việc, bàn tiếp công dân theo quy định,

+Về công tác văn phòng, chứng thực khác: Hồ sơ lý lịch trong nước và nước ngoài là 43 hồ sơ, và loại văn bản giao dịch thông thường khác.

6) Về đội ngũ Cán bộ, công chức, làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

Số lượng: 07 người

- Trình độ chuyên môn: trung cấp: 01 người;

- Đại học: 06

Phẩm chất đạo đức : Hầu hết cán bộ, công chức làm việc đã có nhiều năm công tác, có nhiều kinh nghiệm để giải quyết công việc, tiếp thu được những quy trình, đổi mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn trong giải quyết công việc.

Thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính của Đảng, Nhà nước thời gian qua UBND xã Quang Minh đã tích cực triển khai thực hiện và đã thu được kết quả bước tốt.

y) Thực hiện chức trách công vụ của công chức:

Thủ tục hành chính ở từng lĩnh vực được UBND xã chỉ đạo, các bộ phận chuyên môn thực hiện công khai hoá, cải tiến nề lối làm việc hạn chế phiền hà trong giải quyết công việc cho dân, tổ chức thường trực tiếp dân thường xuyên, đặc biệt trong 4 nội dung: Hộ tịch, chứng thực, đất đai, xây dựng ngoài ra còn một số nội

dung thuộc các bộ phận chuyên môn khác. Hàng năm tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên môn theo kế hoạch chỉ đạo của cấp trên.

UBND xã đã trang bị phòng làm việc, các trang bị cần thiết phục vụ cho công tác CCTTHC theo "cơ chế một cửa", công khai lịch làm việc, quy trình thủ tục giải quyết, mức thu lệ phí và các tác nê, máy vi tính và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác tiếp dân tại bộ phận một cửa theo đúng quy định của pháp luật. Công dân đến liên hệ, giao tiếp đều được kiểm tra, hướng dẫn đầy đủ trước khi trình, ký duyệt.

3. Nhận xét đánh giá:

a. Hiệu quả của thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong thời gian qua:

- Thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính của Đảng, Nhà nước thời gian qua UBND xã Quang Minh đã tích cực triển khai thực hiện và đã thu được kết quả khá tốt.

Về cơ bản người dân đã nắm được quy trình, các nội dung thực hiện cải cách hành chính, thủ tục khi đến giao dịch, các giấy tờ cần thiết mang theo khi giao dịch, giảm phiền hà đi lại nhiều lần cho nhân dân.

Công việc giải quyết cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tạo điều kiện giải quyết công việc nhanh chóng thuận lợi, phân rõ trách nhiệm của từng bộ phận liên quan, giải quyết công việc nhanh chóng đúng thời gian theo quy định về cải cách thủ tục hành chính.

b. Những tồn tại hạn chế:

Tuy nhiên bên cạnh các việc đã làm được vẫn còn một số mặt còn tồn tại đó là: Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính còn chậm, công việc còn chồng chéo, việc phân rõ trách nhiệm của từng bộ phận chưa rõ ràng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cán bộ, từng bộ phận theo Quy chế mẫu của chính phủ quy định hiệu lực quản lý nhà nước chưa cao, có lĩnh vực chưa làm được như: một số bộ phận chưa thực hiện tốt các quy trình, các bước về thủ tục hành chính theo quy định.

4. Nguyên nhân của những tồn tại:

- Trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn của một số cán bộ còn hạn chế.
- Tổ chức thực hiện CCTTHC chưa đồng bộ việc phân quyền, phân cấp xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành chưa được cải tiến khoa học.
- Các chế độ chính sách thường xuyên thay đổi, bổ sung nhưng chưa kịp điều chỉnh. Tài liệu hướng dẫn chưa đầy đủ, kịp thời cho cơ sở thực hiện.
- Chế độ đãi ngộ cho cán bộ cơ sở còn hạn chế, công tác đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ còn bất cập, Công tác tuyên truyền còn chưa sâu rộng, kết quả chưa cao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ triển khai công tác cải cách hành chính trong thời gian tới

- Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt các quy định về cải cách hành chính nhà nước, phát huy kết quả đạt được, nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức trong việc thực hiện cải cách hành chính nhà nước.

- Tham mưu cho lãnh đạo UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại địa phương, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Thường xuyên cập nhật thủ tục hành chính thông qua hệ thống thủ tục hành chính công của ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính theo quy định của cấp trên.

2. Kiến nghị, đề xuất:

- Công tác cải cách hành chính chưa được đồng bộ, còn một số bộ phận chưa nắm rõ các thủ tục hành chính, đề nghị cấp trên cung cấp các thủ tục hành chính đã được thống nhất trong toàn tỉnh để cán bộ chuyên môn thực hiện việc công khai thủ tục hành chính cho đồng bộ.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính nhà nước quý III năm 2023 của UBND xã Quang Minh.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- TV Đảng ủy;
- TT. HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Biên

PHỤ LỤC 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
(QUÍ III NĂM 2023 CỦA UBND XÃ QUANG MINH)
(Kèm theo công văn số /UBND-NV ngày 6 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	34	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	34	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số bộ phận chuyên môn đã kiểm tra	Nhiệm vụ	6	
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%	100	
3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	51	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	51	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	50	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.1.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	140	
1.4.1.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	140	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	685	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	02	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Thực hiện sắp xếp sáp nhập, chia tách thôn	%	0	
1.2.	UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	0	
2.	Số liệu về biên chế công chức cấp xã			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	19	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	16	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	02	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người hoạt động không chuyên trách cấp xã			
3.1.	Tổng số người được giao	Người	08	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	08	
3.3.	Tỷ lệ % thực hiện	%	100	
4.	Số người hoạt động không chuyên trách thôn, khu dân cư			
4.1.	Tổng số người được giao	Người	05	
4.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	05	
3.3.	Tỷ lệ % thực hiện	%	100	

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức			
1.1.	Số lượng chức danh công chức cấp xã	Chức danh	6	
1.2.	Số lượng công chức được bố trí theo vị trí việc làm chức danh công chức cấp xã	Người	6	
1.3	Tỷ lệ % thực hiện	%	100	
2.	Tuyển dụng công chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	3	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3.	Số lượng cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		16	
3.1.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
3.2.	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	5,8 %	
1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	15.750	
2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	920	

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%		
5.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%		
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục	140	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục	140	

6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục		
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ		
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		